

Số: 21 /KL-TTra

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 9 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ đối với Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm cho Hợp tác xã, doanh nghiệp” do Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Châu Thành chủ trì

Thực hiện Quyết định số 51/QĐ-TTra ngày 25/6/2024 của Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ đối với Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm cho Hợp tác xã, doanh nghiệp” do Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Châu Thành chủ trì, từ ngày 05/7/2024 đến ngày 02/8/2024 Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Châu Thành (ấp Xây Cáp, Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng).

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 15/8/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

- Tên dự án: Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm cho Hợp tác xã, doanh nghiệp.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Châu Thành (ấp Xây Cáp, Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng).

- Chủ nhiệm dự án: ThS. Võ Minh Luân – Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Châu Thành, kiêm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Châu Thành.

- Mục tiêu dự án:

+ Xây dựng mô hình ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số, quản trị thông minh khép kín trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm của Hợp tác xã, doanh nghiệp phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh cho 03 nhóm sản phẩm chính là: lúa, bưởi, tôm.

+ Hình thành và phát triển phương thức quảng bá hình ảnh của Hợp tác xã, doanh nghiệp phân phối sản phẩm, tham gia các sàn giao dịch điện tử phù hợp xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho các nhóm sản phẩm.

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất và quản trị của Hợp tác xã, doanh nghiệp; tăng khả năng cạnh tranh, tham gia chuỗi cung ứng trên thị trường.

- Nội dung thực hiện:

+ Nội dung 1: Điều tra, khảo sát đánh giá và lựa chọn Hợp tác xã/doanh nghiệp tham gia thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm.

+ Nội dung 2: Xây dựng mô hình ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số, quản trị thông minh, khép kín trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết của Hợp tác xã, doanh nghiệp cho sản phẩm lúa, bưởi, tôm.

+ Nội dung 3: Xây dựng mô hình quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Hợp tác xã, doanh nghiệp phân phối sản phẩm trên các sàn giao dịch điện tử phù hợp xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

+ Nội dung 4: Xây dựng mô hình ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số, quản trị thông minh phát triển du lịch kết hợp với các sản phẩm nông nghiệp (thủy sản, lúa-gạo, cây ăn trái) của các Hợp tác xã, doanh nghiệp.

+ Nội dung 5: Tổ chức Hội thảo khoa học giới thiệu kết quả thực hiện mô hình.

- Thời gian thực hiện: 28 tháng, từ tháng 11/2021 đến tháng 02/2024.

- Kinh phí Dự án: Dự án thực hiện theo hình thức khoán chi một phần. Tổng kinh phí thực hiện dự án: **3.173.274.300 đồng**, trong đó:

+ Kinh phí từ nguồn khác:

++ Kinh phí tự có của đơn vị chủ trì: **500.000.000 đồng**;

++ Kinh phí đối ứng của các đơn vị tham gia thực hiện dự án: **150.000.000 đồng**.

+ Kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ: **2.523.274.300 đồng** (trong đó kinh phí khoán: 2.442.274.300 đồng; kinh phí không khoán: 81.000.000 đồng).

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc xác định nhiệm vụ

Dự án được Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Châu Thành đề xuất thực hiện theo phương thức giao trực tiếp. Sau khi tiến hành đánh giá thuyết minh, thẩm định kinh phí của nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ đề tài, dự án mới năm 2021 và bổ sung có mục tiêu về ngân sách huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện; Sở KH&CN ban hành

Quyết định số 145/QĐ-SKHHCN ngày 29/10/2021 về việc chỉ định thầu (đơn vị) thực hiện dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm cho Hợp tác xã, doanh nghiệp”.

2. Kết quả thực hiện các nội dung của Dự án theo Hợp đồng và thuyết minh

Đơn vị đã ký kết thực hiện dự án tại Hợp đồng số 32/HĐ-SKHHCN ngày 11/11/2021 Hợp đồng thực hiện dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm cho Hợp tác xã/doanh nghiệp”. Quá trình thực hiện dự án có 02 lần thay đổi một phần nội dung Hợp đồng:

- Phụ lục Hợp đồng số 13/PLHĐ-SKHHCN ngày 11/8/2022 thay đổi một phần nội dung Hợp đồng thực hiện dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm cho Hợp tác xã/doanh nghiệp”. Nội dung thay đổi: điều chỉnh chủ nhiệm dự án ThS. Võ Minh Luân thay thế cho ThS. Nguyễn Thị Như.

- Phụ lục Hợp đồng số 03/PLHĐ-SKHHCN ngày 22/3/2023 thay đổi một phần nội dung Hợp đồng thực hiện dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm cho Hợp tác xã/doanh nghiệp”. Nội dung thay đổi: điều chỉnh thông tin người đại diện bên A (Sở Khoa học và Công nghệ).

Thời gian thực hiện dự án theo Hợp đồng đã ký kết là 28 tháng (từ tháng 11/2021 đến hết tháng 02/2024). Thực tế thực hiện đảm bảo so với Hợp đồng.

Kết quả thực hiện các nội dung:

Nội dung: Điều tra, khảo sát và lựa chọn hợp tác xã/doanh nghiệp tham gia thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm

- Đã thiết kế 03 mẫu phiếu thu thập thông tin, mỗi mẫu phiếu đảm bảo trên 30 chỉ tiêu theo thuyết minh. Nội dung thông tin thu thập gồm thông tin chung của nông hộ, nhật ký sản xuất, thông tin thu hoạch, hiệu quả kinh tế.

- Đã thu thập thông tin 900 phiếu khảo sát đối với 03 đối tượng (gồm lúa, bưởi và tôm), mỗi đối tượng 300 phiếu. Thông tin thu thập đảm bảo các nội dung theo thuyết minh dự án. Tuy nhiên, ở một số phiếu thu thập thông tin, cán bộ thực hiện chưa thu thập đầy đủ thông tin của nông hộ (các thông tin về nhật ký sản xuất như sử dụng phân bón, thuốc trị bệnh, cho ăn, xử lý nước, cải tạo ao nuôi...).

- Điều tra, khảo sát và lựa chọn 02 hợp tác xã và 01 Hiệp hội thủy sản tham gia thực hiện mô hình.

+ 01 mô hình thực hiện trên đối tượng cây bưởi tại Hợp tác xã bưởi Thành Công.

+ 01 mô hình thực hiện trên đối tượng cây lúa tại Hợp tác xã Nông nghiệp Phước An.

+ 01 mô hình thực hiện trên đối tượng tôm thẻ chân trắng tại Hiệp hội Tôm Mỹ Thanh.

Nội dung: Xây dựng mô hình ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số, quản trị thông minh, khép kín trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, liên kết của Hợp tác xã, doanh nghiệp cho sản phẩm.

- Xây dựng phần mềm quản lý chuỗi sản xuất (Vfarm):

<https://quantri.nongsansoctrang.vn> phục vụ cho nhóm người dùng chính là cơ quan quản lý, doanh nghiệp và hộ sản xuất. Cung cấp các tính năng và chức năng giúp nông dân và nhà quản lý ghi lại, theo dõi và quản lý các hoạt động canh tác.

- Xây dựng phần mềm quản lý vùng canh tác (GIS):

<https://nongnghiepsoctrang.vbgis.vn/chau-thanh> ứng dụng bản đồ số trong quản lý, quy hoạch vùng canh tác cho cây trồng, vật nuôi theo thửa đất hoặc hộ nông dân trực tiếp canh tác; mô tả tổng thể cây trồng, vật nuôi lên bản đồ số, cung cấp báo cáo thống kê, dự báo sản lượng; tích hợp hệ thống quan trắc môi trường, dịch bệnh, cảnh báo qua SMS.

Nội dung: Xây dựng mô hình quảng bá hình ảnh, thương hiệu của doanh nghiệp, Hợp tác xã phân phối sản phẩm trên các sàn giao dịch điện tử phù hợp với xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Đã xây dựng sàn giao dịch nông sản <http://nongsansoctrang.vn/> có hơn 70 sản phẩm được quảng bá, giới thiệu. Số lượt truy cập đạt 17.127 (tính đến thời điểm thanh tra).

Nội dung: Xây dựng mô hình ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số, quản trị thông minh phát triển du lịch kết hợp với các sản phẩm nông nghiệp của các hợp tác xã, doanh nghiệp.

Đã xây dựng cổng du lịch thông minh: <https://dulich.nongsansoctrang.vn/>

Thông tin được cung cấp cho trên 100 đối tượng (doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ quan quản lý và khách du lịch). Số lượt truy cập đạt 227.898 (tính đến thời điểm thanh tra). Trong đó, có 101 tài khoản đăng kí để đăng nhập, tìm kiếm, bình luận đánh giá ở các bài viết, thông tin trên cổng du lịch. Đảm bảo có sự chọn lọc và liên tục cập nhật thông tin mới, thường xuyên cung cấp cho mọi người có thể tìm kiếm.

Nội dung: Tổ chức hội thảo khoa học giới thiệu kết quả thực hiện mô hình.

Tổ chức 01 Hội thảo khoa học giới thiệu kết quả thực hiện mô hình vào ngày 15/11/2023 tại Trung tâm Hội nghị - Tiệc cưới Toàn Thịnh (Số 156, Trần Hưng Đạo, Phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng), số đại biểu tham dự là 100 đại biểu tham dự (gồm Sở Khoa học và Công nghệ; Thường trực UBND huyện Châu Thành, huyện Kế Sách, huyện Trần Đề; Hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia dự án và các đơn vị có liên quan).

3. Việc sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí

- Kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN đã được cấp: 2.523.274.300 đồng (trong đó: kinh phí khoán 2.442.274.300 đồng; kinh phí không khoán: 81.000.000 đồng) đúng theo hợp đồng.

- Kinh phí đã sử dụng và quyết toán: 2.523.274.300 đồng. Trong đó:

+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ: 2.370.990.300 đồng;

+ Kinh phí bị hủy: 70.800 đồng;

+ Kinh phí tiết kiệm: 152.284.000 đồng (kinh phí chuyển vào nguồn thu của đơn vị chủ trì: 144.213.200 đồng; kinh phí lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 4.000.000 đồng; kinh phí trích nộp ngân sách Nhà nước: 4.000.000 đồng);

- Kinh phí còn lại theo hợp đồng: 0 đồng.

Đơn vị đã tiếp nhận và quản lý sử dụng kinh phí được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ theo đúng thuyết minh, dự toán được duyệt và hợp đồng ký kết. Tuy nhiên việc quyết toán kinh phí còn các lưu ý như sau:

- Theo Danh sách rút dự toán chuyển khoản thanh toán dự án số 2023: Thiếu Danh sách duyệt thanh toán cho các cá nhân nhận tiền bài nhận xét Ủy viên Hội đồng, Ủy viên phản biện và thành viên tham dự họp Hội đồng tự đánh giá nghiệm thu dự án (Giấy đề nghị thanh toán RDT 117, 118, 119, 120, 121, 122) chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Kế toán.

- Hợp đồng số 01/2022, giá trị hợp đồng 1.441.000.000 đồng, nội dung Hợp đồng không có tiền bảo hành, nhưng Giấy rút dự toán số RDT077 ngày 27/12/2023 Trung tâm giữ lại tiền bảo hành của đơn vị thực hiện (VNPT Sóc Trăng) với số tiền 144.100.000 đồng.

Về tài sản hình thành thông qua việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Tại thời điểm kiểm tra xác minh, các tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN vẫn đang sử dụng tại đơn vị.

4. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời gian thực hiện Hợp đồng: Không.

5. Việc thực hiện các kiến nghị khác trong quá trình thực hiện dự án

Căn cứ nội dung kết luận và kiến nghị tại biên bản kiểm tra ngày 05/4/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc kiểm tra thực tế việc thực hiện dự án tại một số mô hình, đến nay đơn vị đã bổ sung danh sách các nông hộ tham gia xây dựng mô hình; tập huấn, hướng dẫn nông dân cập nhật thông tin lên phần mềm theo diện tích cam kết; thực hiện rà soát, kiểm tra chứng từ liên quan đến kinh phí.

6. Việc triển khai ứng dụng kết quả của dự án theo yêu cầu của bên đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tại thời điểm thanh tra, dự án chưa nghiệm thu, đánh giá. Tuy nhiên, đơn vị đã xây dựng phương án để duy trì, nhân rộng kết quả dự án. Triển khai ứng dụng kết quả của dự án theo yêu cầu của bên đặt hàng nhiệm vụ KH&CN:



Đơn vị đã thực hiện 03 mô hình trên 03 nhóm đối tượng (Thuỷ sản, lúa – gạo, cây ăn trái):

+ 01 mô hình được thực hiện tại Hợp tác xã Bưởi Thành Công, huyện Kế Sách trên đối tượng cây bưởi. Đã tiến hành khảo sát 300 thành viên với diện tích 421,1 ha.

+ 01 mô hình được thực hiện tại Hiệp hội Tôm Mỹ Thanh, huyện Trần Đề trên đối tượng tôm thẻ chân trắng với diện tích 681,1 ha, khảo sát trên 300 thành viên.

+ 01 mô hình được thực hiện tại Hợp tác xã Nông nghiệp Phước An, huyện Châu Thành trên đối tượng cây lúa với 300 thành viên, diện tích 625,66 ha.

Trong số hộ nông dân nêu trên, đã chọn ra 55/300 thành viên khảo sát ở Hợp tác xã Bưởi Thành Công với diện tích trồng là 80,8 ha; 51/300 thành viên khảo sát ở Hợp tác xã Nông nghiệp Phước An với diện tích 63,985 ha; 60/300 thành viên khảo sát ở Hiệp Hội tôm Mỹ Thanh với diện tích 93,1 ha để hướng dẫn sử dụng 04 phần mềm.

Thực tế xác minh, tại thời điểm thanh tra, số thành viên và diện tích canh tác có thay đổi do những nguyên nhân khách quan như hộ dân chuyển đổi đối tượng canh tác, ngưng canh tác do không có lợi nhuận...

Đối với phần mềm Vfarm, việc sử dụng, cập nhật thông tin của các hộ nông dân còn nhiều bất cập. Bộ phận lớn nông hộ chưa nhận thức rõ lợi ích của phần mềm nên không thường xuyên cập nhật thông tin. Một số hộ thực hiện ghi nhật ký sản xuất vào sổ, sau đó mới nhập vào phần mềm. Cách làm thủ công gây tốn nhiều thời gian ghi chép, dữ liệu không chính xác do sao lưu nhiều lần và không đáp ứng tính chất “sống” (thời gian thực) của dữ liệu. Qua sử dụng, một số nông hộ đề nghị bổ sung thêm các trường thông tin có chức năng tự động tính toán lợi nhuận, hiệu quả kinh tế cho nông hộ.

Nhiều nông hộ chưa thành thạo các thao tác sử dụng các phần mềm, chưa cập nhật dữ liệu vào phần mềm thường xuyên. Do đó, dữ liệu phần mềm chưa thể hiện bao quát toàn bộ quá trình sản xuất, chưa phản ánh được thời gian phát sinh số liệu thực tế để đạt mục đích quản lý và giám sát toàn bộ quá trình sản xuất, lưu thông, phân phối sản phẩm, dẫn đến hiệu quả khai thác phần mềm Vfarm còn hạn chế. Thông tin nông hộ, số tờ, số thửa và các thông tin nhật ký lấy trực tiếp từ phần mềm Vfarm. Do đồng bộ với dữ liệu từ phần mềm Vfarm nên các hạn chế trong việc thiếu sót thông tin từ phần mềm Vfarm cũng ảnh hưởng đến phần mềm GIS.

Đối với phần mềm sàn giao dịch nông sản và phần mềm công du lịch thông minh, qua làm việc thực tế với nông dân tham gia dự án, nhiều người chưa biết đến 02 phần mềm này và mong muốn được tiếp cận.

C. KẾT LUẬN

Trong quá trình thực hiện dự án, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đã đạt được một số ưu điểm và còn tồn tại hạn chế như sau:

1. Ưu điểm

Quá trình thanh tra, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án phối hợp cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu, tạo điều kiện thuận lợi để đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ.

Đơn vị được thanh tra đã thực hiện các nội dung theo theo Hợp đồng số 32/HĐ-SKHCN ngày 11/11/2021 đạt mục tiêu của dự án, đảm bảo thời gian thực hiện.

2. Hạn chế

- Việc triển khai ứng dụng kết quả của dự án theo yêu cầu của bên đặt hàng nhiệm vụ KH&CN: Công tác tập huấn, hướng dẫn nông hộ cập nhật thông tin lên phần mềm quản lý chuỗi sản xuất (Vfarm) chưa đạt hiệu quả, nhiều nông hộ chưa thành thạo trong việc sử dụng phần mềm.

- Việc sử dụng và quyết toán kinh phí: Đơn vị đã tiếp nhận và quản lý sử dụng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN đúng theo định mức dự toán được phê duyệt. Tuy nhiên, hồ sơ duyệt thanh toán nhận tiền bài nhận xét cho họp Hội đồng tự đánh giá nghiệm thu dự án chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Kế toán; việc giữ lại tiền bảo hành của đơn vị thực hiện chưa phù hợp với nội dung hợp đồng.

D. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:
Không.

E. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ: Không.

G. KIẾN NGHỊ KHÁC

1. Kiến nghị đối với đơn vị được thanh tra

- Tiếp tục phát huy các kết quả đạt được, đồng thời, trong thời gian tới rút kinh nghiệm các hạn chế đã nêu tại Phần C của Kết luận.

- Tiếp tục phối hợp với đơn vị chuyên gia công nghệ để thực hiện các nội dung công việc còn lại, hoàn chỉnh các mô hình đã xây dựng đảm bảo đạt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm theo thuyết minh; Thực hiện có hiệu quả các nội dung phương án duy trì và nhân rộng kết quả dự án, đặc biệt là việc khai thác, sử dụng có hiệu quả các phần mềm đã được chuyển giao. Lưu ý các kiến nghị của nông hộ: tiếp tục tập huấn cách sử dụng phần mềm quản lý vùng canh tác (Vfarm) cho các nông hộ tham gia dự án cho đến khi thành thạo thao tác sử dụng, bổ sung thêm các trường thông tin có chức năng tự động tính toán lợi nhuận, hiệu quả kinh tế cho nông hộ.

- Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

2. Kiến nghị lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ và phòng chuyên môn

- Kiến nghị Phòng Nghiệp vụ xem xét những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai nhiệm vụ của đơn vị được thanh tra để rà soát các nhiệm vụ khoa học

công nghệ (bao gồm cả nhiệm vụ đã nghiệm thu hoặc đang triển khai thực hiện) do phòng trực tiếp quản lý và có ý kiến đề các đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ chấn chỉnh, khắc phục kịp thời (nếu có).

- Kiến nghị lãnh đạo Sở tiếp tục chỉ đạo phòng chuyên môn tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật trong hoạt động khoa học công nghệ để nâng cao nhận thức và tính tự giác chấp hành trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Nơi nhận:

- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Châu Thành;
- Ban Giám đốc Sở;
- Phòng Nghiệp vụ;
- Đăng website Sở KH&CN (15 ngày liên tục);
- Lưu: TTra, Hồ sơ thanh tra.

CHÁNH THANH TRA



Trương Hoàng Nguyên